

Số: 02/TB-UBND

Tam Thanh, ngày 05 tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO
Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách
Năm 2022

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Văn bản số 3949/BTC-NSNN ngày 05/4/2018 của Bộ Tài chính về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của luật NSNN năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 6909/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện Vụ Bản về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của phòng Tài chính – kế toán xã về việc thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Tam Thanh năm 2022.

Ủy ban nhân dân xã Tam Thanh thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2022 (Kèm theo biểu số liệu báo cáo thuyết minh).

Hình thức công khai: Niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã Tam Thanh

Công khai trên trang thông tin điện tử của UBND xã

Ủy ban nhân dân xã Tam Thanh thông báo để các phòng, ban liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện
- Các phòng, ban;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Bài

Tam Thanh, ngày 05 tháng 1 năm 2023

BÁO CÁO

Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách huyện Vụ Bản năm 2022

(Kèm theo Thông báo số 86/TB-UBND ngày 08/7/2022 của UBND huyện Vụ Bản)

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Văn bản số 3949/BTC-NSNN ngày 05/04/2018 của Bộ Tài chính về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 18/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Vụ Bản khóa XX, kỳ họp thứ tư về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 18/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Vụ Bản khóa XX, kỳ họp thứ tư về việc quyết định dự toán thu, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách huyện Vụ Bản năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 6909/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện Vụ Bản về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán NSNN năm 2022.

UBND xã Tam Thanh báo cáo kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã Tam Thanh năm 2022 như sau:

1. Về thu ngân sách (Biểu số 114/CKTC-NSNN): Tổng thu NSNN thực hiện năm 2022 là: 9.789 triệu đồng, đạt 161,74% dự toán giao.

Trong đó:

- Thu xã hưởng 100%: 319 triệu đồng, đạt 102,83% dự toán giao. Trong đó thu từ phí lệ phí là: 9 triệu đồng, đạt 93,11% dự toán giao, thu từ hoa lợi công sản: 121 triệu đồng đạt 74,57% dự toán giao, thu khác: 60 triệu đồng đạt 62,5% dự toán giao, lệ phí trước bạ: 128 triệu đồng đạt 306,34% dự toán giao.

Thu các khoản phân chia theo tỉ lệ: 1.929 triệu đồng, đạt 94,9% so với dự toán

Thu Chuyển nguồn: 1.159 triệu đồng.

Thu bổ xung từ NS cấp trên: 6.380 triệu đồng trong đó bổ xung cân đối NS: 3.708 triệu đồng, thu bổ xung có mục tiêu: 2.672 triệu đồng.

2. Về chi ngân sách (Biểu số 115/CKTC-NSNN): Tổng chi NSNN năm 2022 là: 9.278 triệu đồng, đạt 153,3% dự toán giao.

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là: 3.553 triệu đồng, đạt 197,41% dự toán giao.
- Chi thường xuyên là: 5.725 triệu đồng, đạt 134,63% dự toán giao.

Chi ngân sách đã đảm bảo đủ chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Các khoản an sinh xã hội đảm bảo theo văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ và của Tỉnh, huyện ban hành.

Trên đây là báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã Tam Thanh năm 2022.

UBND xã Tam Thanh trân trọng báo cáo./.



Nguyễn Văn Bài

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3						
12	Dự phòng	121.000.000		121.000.000	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
	Nộp trả ngân sách cấp trên				412.881.500		412.881.500			
	Chi đầu tư XDCB	1.800.000.000	1.800.000.000							

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	I	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	15.346.050.000	6.052.600.000	11.416.770.626	9.789.426.962	74,40	161,74
I	Các khoản thu 100%	329.000.000	311.000.000	322.568.375	319.794.463	98,05	102,83
	Lệ phí trước bạ	60.000.000	42.000.000	183.806.375	128.664.463	306,34	306,34
1	Phí, lệ phí	10.000.000	10.000.000	9.306.000	9.311.000	93,06	93,11
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	163.000.000	163.000.000	69.190.000	121.553.000	42,45	74,57
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định			23.226.000	23.226.000		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	96.000.000	96.000.000	37.040.000	37.040.000	38,58	38,58
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	11.308.500.000	2.033.050.000	5.213.505.751	1.929.438.872	46,10	94,90
1	Các khoản thu phân chia	70.000.000	52.000.000	71.955.250	54.208.675	102,79	104,25
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	60.000.000	42.000.000	59.155.250	41.408.675	98,59	98,59
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	10.000.000	10.000.000	12.800.000	12.800.000	128,00	128,00
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	11.238.500.000	1.981.050.000	5.141.550.501	1.875.230.197	45,75	94,66
	Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân						
2.1	Thu tiền sử dụng đất	11.000.000.000	1.800.000.000	4.393.730.000	1.318.119.000	39,94	73,23
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước			8.467.200	2.540.160		
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	47.000.000	47.000.000	123.412.202	123.412.202	262,58	262,58
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	191.500.000	134.050.000	615.941.099	431.158.835	321,64	321,64
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				1.159.497.127		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	
		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2		
A	B								
V	Thu kết dư ngân sách năm trước								
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.708.550.000	3.708.550.000	5.880.696.500	6.380.696.500	158,57	172,05		
	Bổ sung cân đối ngân sách			3.708.550.000	3.708.550.000				
	Bổ sung có mục tiêu			2.172.146.500	2.672.146.500				



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	6.010.600.000	9.660.762.499	160,73
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	269.000.000	191.130.000	71,05
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	2.033.050.000	1.929.438.872	94,90
3	Thu bổ sung	3.708.550.000	6.380.696.500	172,05
	- Bổ sung cân đối ngân sách	3.708.550.000		
	- Bổ sung có mục tiêu			
4	Thu chuyển nguồn		1.159.497.127	
II	TỔNG SỐ CHI	6.052.600.000	9.278.448.237	153,30
1	Chi đầu tư phát triển	1.800.000.000	3.553.297.400	197,41
2	Chi thường xuyên	4.131.600.000	5.725.150.837	138,57
3	Dự phòng	121.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.